

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 118/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 5 – 2026.

V/v: “tranh chấp xin ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đặng Thành Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Hương** – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về “tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Tấn L**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Bé L**, sinh năm 1979 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Tấn L trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2002, ông Trần Tấn L và bà Nguyễn Bé L do quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 252/CNKH, quyển số 2, ngày 26/12/2005. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông Trần Tấn L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bé L.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Hữu T, nam, sinh năm 2003, đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/02/2026, bị đơn bà Nguyễn Bé L trình bày và yêu cầu:

Bà Nguyễn Bé L thống nhất với trình bày của ông Trần Tấn L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà đồng ý ly hôn. Ông bà 01 con chung tên Trần Hữu T, nam, sinh năm 2003, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Tấn L có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Bé L nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Bé L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn L và bà Nguyễn Bé L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy hôn nhân giữa ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Bé L đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Tấn L.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Hữu T, nam, sinh năm 2003, đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Bé L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Tấn L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn L.
2. Về hôn nhân: Ông Trần Tấn L ly hôn bà Nguyễn Bé L.
3. Về con chung: Ông Trần Tấn L và bà Nguyễn Bé L có 01 con chung tên Trần Hữu T, nam, sinh năm 2003, đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Trần Tấn L, bà Nguyễn Bé L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án khác.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tấn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0006403 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí nên ông Trần Tấn L không phải nộp thêm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã T, thành phố Cần
Thơ;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí